
Bản án số 05/2021/DS-ST
Ngày 05 tháng 8 năm 2021
V/v kiện đòi tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lương Thị T**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Quang C**
Ông **Nguyễn Thanh B**

Thư ký phiên tòa: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án
Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa:
Ông **Vũ Đức S** – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, TAND huyện Ân Thi mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 04/12/2020 về việc kiện đòi tài sản (tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Vũ Nhân SN 1995** (có mặt)
Trú tại: Đ X, Đ L, Ấ T, Hưng Yên
- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* LS **Nguyễn Thị D** – Công ty Luật TNHH Ánh Dương – Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Vô Ngại, xã Ngọc Lâm, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
- *Bị đơn:* Anh **Vũ Kim H SN 1991** (có mặt)
Trú tại: Xuân Nguyên, Xuân Trúc, Ấ T, Hưng Yên
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Chị **Nguyễn Thị Hương Q SN 1995**
Trú tại: Đ X, Đ L, Ấ T, Hưng Yên
Chị Q ủy quyền cho anh N

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2020 và các lời khai của anh N trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Đầu năm 2019, anh H có hỏi vay vợ chồng anh số tiền 250.000.000đ anh H nói để chi phí cho việc học tiếng Nhật, bản thân vợ chồng anh không có tiền nhưng vì anh H là bạn học của anh Đ (anh trai anh) nên gia đình anh và anh H rất thân thiết coi nhau như người trong nhà, vì muốn giúp anh H nên vợ chồng anh nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Quyên đứng ra vay hộ ngân hàng số tiền 200.000.000đ và vay thêm người làng 50.000.000đ để cho anh H vay, anh H có viết giấy nhận nợ vào ngày 15/4/2019, thời hạn vay là 01 năm. Đến tháng 12/2019, vợ chồng anh lại cho anh H vay tiếp số tiền 250.000.000đ nữa để anh H đặt cọc tiền đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Do không có tiền vợ chồng anh lại nhờ bà Nguyễn Thị Phúc đứng ra vay

hộ ngân hàng số tiền 200.000.000đ và nhờ bà Quyên vay thêm 50.000.000đ nữa để cho anh H vay. Anh có yêu cầu anh H viết giấy nhận nợ số tiền vay 02 lần gộp lại tổng là 500.000.000đ, anh N xác định thời hạn vay theo Giấy vay tiền ngày 15/4/2019. Hai lần đưa tiền cho anh H vay đều ở tại nhà anh, chỉ có vợ chồng anh và anh H không có ai chứng kiến. Anh khẳng định H toàn không có việc anh H nợ tiền lô đề của anh Đảng sau đó viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh. Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng anh yêu cầu anh H trả tiền nhưng anh H không trả và cho đến nay anh H vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng anh bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy anh làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu anh H phải trả cho vợ chồng anh số tiền 500.000.000đ và tiền lãi theo quy định. Đối với số tiền vợ chồng anh nhờ bà Quyên và bà Phúc vay hộ, vợ chồng anh và các bà sẽ giải quyết riêng với nhau, anh không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Lời khai của anh H thể hiện: Tháng 10/2018, sau khi anh đi Vũng Tàu về thì Đảng gọi điện nói với anh về việc Đảng mở quán bia, thì thoáng rảnh anh có đến quán bia của Đảng chơi thì thấy Đảng có ghi lô đề thì anh có chơi và chịu tiền lô đề của Đảng, lúc đầu anh chơi với số tiền nhỏ, sau đó càng ngày anh càng chơi lớn cụ thể anh chơi mỗi lần khoảng 600 điểm tương ứng với số tiền 10 đến 15 triệu đồng, do bị thua nhiều nên từ cuối năm 2018 đến tháng 6/2019 tổng số tiền lô đề anh ghi chịu của Đảng là 250.000.000đ. Lúc này Đảng bảo anh viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh N tại quán của Đảng. Trong giấy thể hiện thời hạn trả nợ là 01 năm không có thỏa thuận về lãi suất. Vì anh và chỗ vợ chồng anh N cũng thân quen nên anh cho rằng nợ Đảng cũng như nợ N nên anh viết theo ý Đảng. Thực tế không có việc vợ chồng anh N giao tiền cho anh vay, đó là việc anh nhận nợ số tiền chơi lô đề còn nợ anh Đảng.

Anh bắt đầu làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật từ tháng 4/2020, sau khi làm thủ tục xong thì anh đi học tiếng, toàn bộ chi phí mà anh phải đóng cho công ty để được sang Nhật khoảng 180.000.000đ, anh đã nộp cho Công ty 130.000.000đ, số tiền còn lại khi nào tới bay mới phải nộp nốt. Nguồn tiền để chi phí cho việc đi xuất khẩu lao động sang Nhật là do bố mẹ anh lo. Nay anh xác định, anh chỉ nhận nợ với vợ chồng N số tiền 250.000.000đ theo giấy vay nợ ngày 15/4/2019, anh sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền này. Còn đối với Giấy vay tiền tháng 12/2019 với số tiền 500.000.000đ anh không viết và không ký nên anh không chấp số tiền 250.000.000đ trong giấy nhận nợ này.

Lời khai của những người làm chứng:

- Anh Đảng: Anh có nghe vợ chồng anh N nói chuyện với anh về việc cho anh H vay số tiền 500.000.000 đồng để anh H làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Việc vay mượn diễn ra như thế nào anh không trực tiếp tham gia hay chứng kiến. Không có việc anh H ghi lô đề của anh thua số tiền lớn đến như vậy, anh không chấp nhận ý kiến trình bày của anh H vì điều đó không đúng sự thật.

- Bà Phúc: Vào khoảng tháng 10/20149 vợ chồng anh N có hỏi vay bà số tiền 200.000.000 đồng, do không có tiền nên bà đã đứng ra vay tiền tại Ngân hàng Agribank chi nhánh A T, sau khi vay được tiền bà đã gọi vợ chồng anh N đến nhà để lấy tiền, vì là chỗ thân quen nên hai bên không lập giấy tờ, bà chỉ đưa hồ sơ vay tiền cho vợ chồng anh N để trả tiền gốc, tiền lãi theo nội dung ký kết. Việc vợ chồng anh N vay tiền dùng vào mục đích gì bà không biết. Chuyện tiền bạc là chuyện riêng giữa bà với vợ chồng anh N nên hai bên sẽ tự giải quyết riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Quyên: Bà được anh N nói chuyện về việc anh H hỏi vay tiền để đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, số tiền cần vay là 250.000.000 đồng, do không có tiền nên bà ông Đình chồng bà đã đứng ra vay tiền tại Ngân hàng 200.000.000đ và vay thêm người khác 50.000.000đ đưa cho vợ chồng anh N để đưa cho anh H. Vào cuối năm 2019 anh N bảo bà vay tiếp hộ 50.000.000 đồng. Tổng số tiền 300.000.000 đồng là bà đưa trực tiếp cho vợ chồng anh N, chỉ có 03 mẹ con không có ai khác chứng kiến. Sau này bà cũng được nghe vợ chồng anh N nói là nhờ bà Phúc vay hộ số tiền 200.000.000 đồng để cho anh H vay. Việc H vay tiền của vợ chồng anh N bản thân H cũng xuống gia đình bà xin khát nợ. Việc vay tiền hộ vợ chồng anh N, vợ chồng bà và vợ chồng anh N sẽ tự giải quyết riêng với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Đại: Tháng 3/2020, anh H bắt đầu làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động sang Nhật, sau khi làm đơn và thi đơn hàng đỗ thì anh H đi học tiếng Nhật. Toàn bộ chi phí giấy tờ, chi phí học tiếng, ăn ở trung tâm hết khoảng 200.000.000đ, tuy nhiên hiện nay gia đình mới nộp 130.000.000đ cho Công ty, số tiền còn lại khi bay mới nộp nốt. Toàn bộ chi phí cho anh H đi, gia đình ông vay của Quỹ tín dụng nhân dân xã Xuân Trúc. Gần đây anh Đảng nói với ông về việc anh H nợ tiền, mẹ anh Đảng vay ngân hàng hộ anh H thì ông có nói: “tiền cờ bạc lô đề của chúng mày tao không biết”. Chị Q có gọi điện cho ông bảo việc anh H vay tiền, ông cũng nói rõ là việc lô đề cơ bạc ông không liên quan. Trước đây nhiều lần ông đọc tin nhắn của H gửi cho Đảng về việc H bảo Đảng ghi số đề H đánh bao nhiêu điểm nên ông mới biết và ông nhiều lần gọi điện cho Đảng nói về việc không cho H đánh lô đề thì Đảng có bảo với ông là: “con biết rồi, con không ghi nữa” Sau đó ông cứ nghĩ là H không chơi nữa. Ông khẳng định toàn bộ chi phí đi Nhật của anh H là do gia đình đi vay để lo liệu, không có việc anh N hay anh Đảng cho vay tiền để chi phí. Còn việc anh H vay nợ tiền anh N như thế nào ông không nắm được nhưng ông nghĩ đó là tiền anh H nợ lô đề của anh Đảng.

Tại phiên tòa:

Anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa buộc anh H phải trả cho anh số tiền 500.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định.

Anh H thừa nhận Giấy vay tiền tháng 12/2019 với số tiền 500.000.000đ là do anh viết, nhưng anh chỉ chấp nhận trả số tiền 250.000.000đ theo Giấy vay tiền ngày 15/4/2019, còn số tiền 250.000.000đ trong giấy vay tiền tháng 12/2019 anh không chấp nhận.

Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ vào hai giấy vay tiền anh H thừa nhận là người viết có đủ căn cứ xác định năm 2019 anh H có vay của vợ chồng anh N tổng số tiền là 500.000.000đ. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471 ; Điều 474; Điều 477 của BLDS năm 2005; Điều 161 của BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, buộc anh H có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh N tiền gốc và lãi theo quy định. Đối với số tiền trung cầu giám định anh H phải chịu chi phí.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết

vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thư ký, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Bị đơn: Vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên họp kiểm tra chứng cứ, phiên tòa ngày 11/6/2021 vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357;400;401;463;465;466;468 và 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền là 250 triệu đồng là khoản vay theo giấy vay tiền ngày 15/4/2019 và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vay và lãi suất của số tiền vay theo giấy vay tiền nội dung tháng 12/2019 bị đơn vay 500 triệu đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Anh Vũ N khởi kiện anh Vũ Kim H về việc yêu cầu anh H phải trả số tiền đã vay, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về việc kiện đòi tài sản (tiền), các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện A T, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện A T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Tại giấy vay tiền ngày 15/4/2019 thể hiện anh Vũ Kim H có vay của chị Nguyễn Thị Hương Q số tiền 250.000.000đ và cam kết H trả sau 01 năm. Bản thân anh H cũng thừa nhận anh là người viết giấy vay tiền này, nhưng theo anh H khai anh không vay tiền của vợ chồng anh N, đây là số tiền anh chơi lô đề còn nợ anh Đảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 6/2019, anh Đảng bảo anh viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh N thì anh viết. Tuy nhiên, anh Đảng, anh N không thừa nhận việc này và bản thân anh H cũng không cung

cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do vậy lời khai của anh H không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với Giấy vay tiền tháng 12/2019 số tiền 500.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án, anh H không thừa nhận giấy này do anh viết nhưng tại phiên tòa anh H đã thừa nhận chữ viết trong giấy vay tiền tháng 12/2019 là của anh và anh không lý giải được việc: nếu anh không vay tiền của anh N thì lý do tại sao anh lại viết giấy nhận nợ với anh N mặc dù anh thừa nhận không bị ai ép buộc hay lừa dối. Hơn nữa tại Kết luận giám định số 40/PC09 ngày 22/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hưng Yên thể hiện: chữ viết Vũ Kim H trong Giấy vay tiền tháng 12/2019 và Giấy vay tiền ngày 15/4/2019 do cùng một người viết ra. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định anh H đã xác nhận có vay của vợ chồng anh N số tiền 500.000.000đ vào năm 2019.

Căn cứ vào lời khai của bà Quyên, bà Phúc và các Hợp đồng tín dụng thể hiện bà Phúc và ông Đình (chồng bà Quyên) có vay số tiền tổng là 400.000.000đ vào thời điểm tháng 3/2019 và tháng 10/2019 phù hợp với lời khai của anh N về việc nhờ bà Phúc và bà Quyên đứng ra vay hộ tiền tại Ngân hàng để cho anh H vay.

Theo lời khai của ông Đại và anh H thì tháng 10/2020 anh H mới bắt đầu làm thủ tục đi học tiếng để đi xuất khẩu lao động tại Nhật, toàn bộ chi phí 180.000.000đ do gia đình đứng ra vay Quỹ tín dụng xã Xuân Trúc, ông Đại có cung cấp cho Tòa án Hợp đồng tín dụng số tiền vay 200.000.000đ. Tuy nhiên anh H không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian và chi phí cho việc làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật của anh.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh N về việc yêu cầu anh H phải trả cho anh số tiền 500.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận. Do vậy, anh H phải có trách nhiệm trả cho anh N số tiền nợ gốc 500.000.000đ. Đối với tiền lãi suất, theo anh N khai thì hai bên có thỏa thuận vay lãi suất theo ngân hàng nhưng trong giấy tờ vay tiền không thể hiện lãi suất và anh H cũng không thừa nhận việc này. Do đó không có căn cứ để tính lãi suất trong hạn đối với khoản tiền vay này. Tuy nhiên, do anh H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nên sẽ phải chịu lãi suất phát sinh do việc chậm trả tiền theo quy định. Cụ thể theo Giấy vay tiền ngày 15/4/2019 số tiền 250.000.000đ ghi rõ thời hạn vay là 01 năm, còn Giấy vay tiền tháng 12/2019 không thể hiện thời hạn vay nhưng anh N xác định thời hạn vay theo Giấy vay tiền ngày 15/4/2019. Do vậy, ngày 15/4/2020 là ngày thanh toán khoản nợ và từ 16/4/2020 anh H bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả tiền, tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 16/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 03 tháng 21 ngày: $500.000.000đ \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 21 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 65.403.000đ$

Tổng số tiền gốc và lãi anh H phải trả cho anh N tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 565.403.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn sẽ phải chịu án phí theo quy định

Đối với chi phí giám định, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của anh N là có căn cứ nên anh H phải chịu tiền chi phí giám định theo quy định. Do anh N đã chi trả tiền giám định số tiền 2.430.000đ theo Giấy xác nhận ngày 11/01/2021 của Cơ quan giám định, do vậy anh H có trách nhiệm trả cho anh N số tiền này.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 161 của BLTTDS; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ N, buộc anh Vũ Kim H phải có trách nhiệm trả cho anh Vũ N số tiền gốc 500.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 65.403.000đ, tổng là 565.403.000đ (Năm trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh H có trách nhiệm trả lãi suất phát sinh do chậm trả tiền cho anh N trên nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra anh H còn phải trả cho anh N tiền chi phí giám định là 2.430.000đ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh N có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh H không thi hành khoản tiền nói trên phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Anh H phải chịu 26.616.100đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh N số tiền 10.000.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000734 ngày 03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A T.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lương Thị T